

ATF 40G-2

Sức nâng tối đa **40 t**

Cần chính

10.5 - 35.2 m

Cần phụ

9 m

Chiều cao nâng móc tối đa bao gồm cần phụ: **45 m**

Khối lượng tổng **24 tấn**, tải trên mỗi trục **12 tấn**



Hình ảnh chỉ mang tính minh họa.

TỔNG ĐẠI LÝ CHÍNH THỨC TẠI VIỆT NAM



Công ty CP Tổng Công Ty Vinh Phú

Số 990 - Xa lộ Hà Nội - P. Bình Đa - Biên Hòa - Đồng Nai

ĐT: 02513 831 615 - Fax: 02513 836 836

Email: vinhphu@vitrac.vn - Website: www.vitrac.vn

Văn phòng, Kho hàng tại Hà Nội

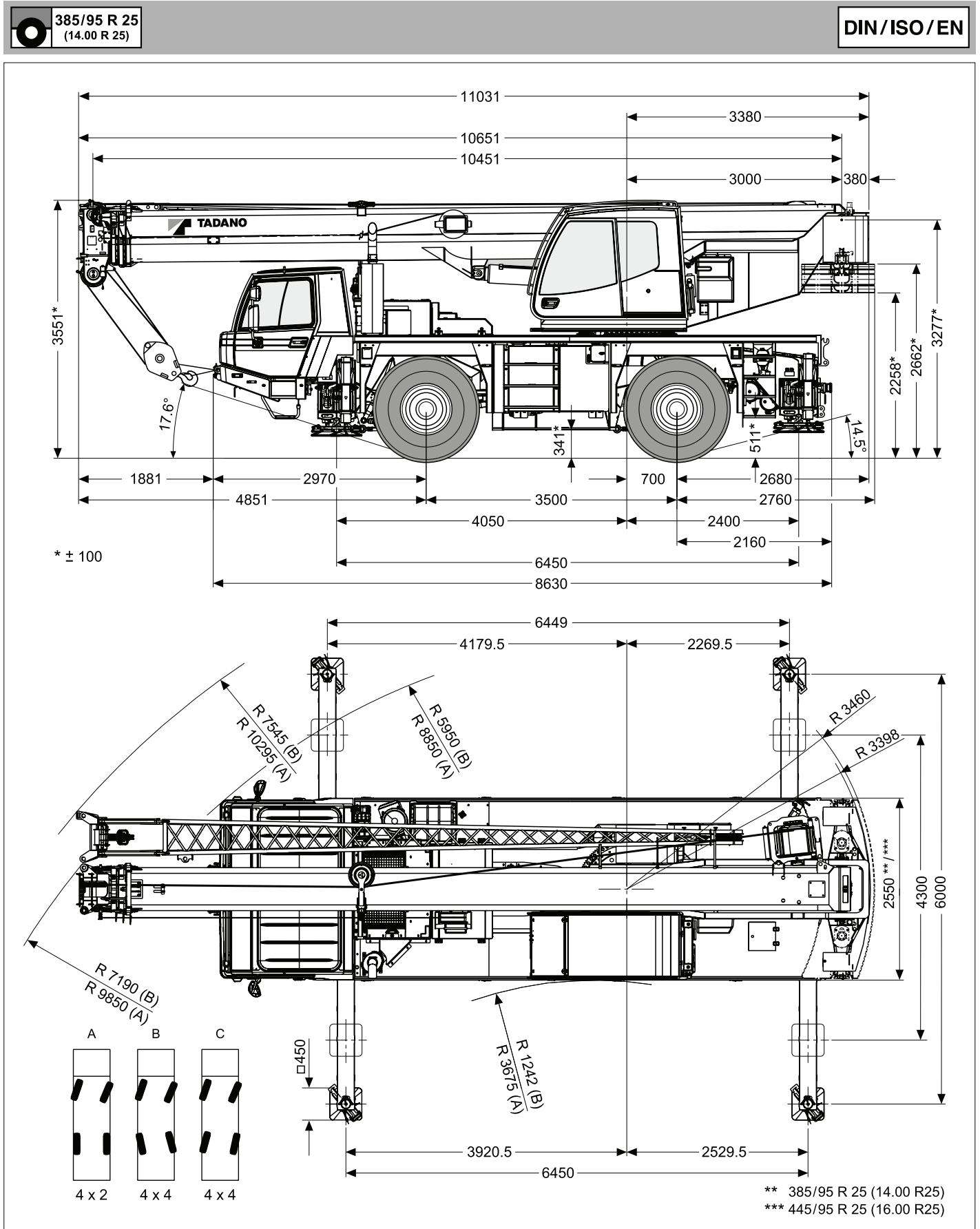
Lô 1 - KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội

ĐT: 02435 562 277 - Fax: 02435 561 212

Email: vinhphuhanoi@vitrac.vn

*Thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước

Kích thước (mm)





Khung: chống xoắn, kết cấu hàn từ thép hạt mịn, cường độ cao.

Các chân chống: 4 vị trí, thu đẩy chân chống bằng thủy lực, 2 hộp ống lồng với bộ điều khiển ở 2 bên của xe nền hay từ cabin. Tầm rộng chân chống 6.0 m (trung bình 4.3 m) x 6.45 m.

Động cơ xe nền: Mercedes-Benz 6 xi lanh, model OM 906 LA (Euromot III A/ EPA III), động cơ diesel làm mát bằng nước. Công suất định mức 205 kW (279 HP) ở 2200 vòng/phút. Moment xoắn 1100 Nm (112 kpm) ở 1200 - 1600 vòng/phút. Công suất định mức động cơ tuân theo 80 / 1269 / EWG.

Dung tích bình nhiên liệu 300 lít.

Hộp số: Hộp số ZF 6 WG 210 tích hợp với bộ truyền động, bộ giảm tốc thủy động lực (khóa từ số 1), 6 số tiến và 1 số lùi.

Truyền lực: 4 x 4

Trục:

Trục 1: chuyển hướng, chủ động với khóa vi sai.

Trục 2: chuyển hướng, chủ động với khóa vi sai.

Hệ thống treo: thủy lực-khí nén cùng với bộ chỉnh thẳng bằng.

Hệ thống phanh: Phanh chính: hệ thống khí nén mạch đôi ABS. Phanh đỗ xe: loại giữ tải bằng lò xo tác động lên trục 1, 2. Phanh phụ: phanh khí thải và hệ thống phanh giữ tốc độ động cơ.

Lốp: (4) 385/95 R 25 (14.00 R 25).

Hệ thống chuyển hướng: ZF-Servocom, 2 mạch thủy lực chuyển hướng, trợ lái bằng cơ khí lên trục trước nhờ trợ lực thủy lực và bơm trợ lái dự phòng. Có khả năng dẫn động tất cả các trục. Tất cả các trục được dẫn động bằng thủy tĩnh từ cabin.

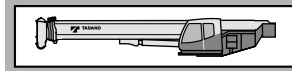
Cabin xe nền: cabin 2 người lái theo chiều rộng xe nền, làm từ vật liệu composit (tấm thép kim loại và sợi thủy tinh), với kính an toàn, ghế nệm khí điều chỉnh được, bộ sưởi bằng hơi nước. Điều khiển mọi vận động cho di chuyển. Kiểm soát tốc độ.

Hệ thống điện: Hệ thống DC 24V, 2 bộ ắc quy. Hệ thống điện tương thích với quy định của Hội đồng kinh tế châu Âu.

Trang bị tùy chọn: (trả thêm phí)

Thiết bị kéo xe, phanh eddy, máy sưởi không phụ thuộc vào động cơ và bộ hâm nóng động cơ, điều hòa không khí, các lốp 445/95 R 25 (16.00 R 25), bánh xe và lốp dự phòng, màu sơn và chữ viết đặc biệt (decal).

Trang thiết bị tùy chọn có sẵn khác tùy theo yêu cầu.



Khung: Chống xoắn, được hàn bởi thép cường độ cao. Được liên kết với xe nền bởi vòng bi xoay toa 1 lớp có vành răng bên ngoài giúp xoay toa đủ vòng 360°.

Hệ thống thủy lực: hệ thống thủy lực diesel 3 mạch với 1 bơm đôi dạng piston hướng trục (có thể điều chỉnh bằng thủy lực) và 1 bơm bánh răng, bộ làm mát dầu. Bơm được điều khiển bởi động cơ xe nền với công suất định mức 188 kW (255 HP) ở 1650 vòng/phút (DIN 6270B).

Các điều khiển: Bằng thủy lực, 2 tay điều khiển đảm bảo cho tất cả các chuyển động của cầu được vận hành đồng thời.

Thu đẩy cần chính: 4 đoạn làm bằng thép hạt mịn cường độ cao, gồm 1 đoạn gốc và 3 đoạn ống lồng thu đẩy bởi 1 xi lanh đơn và cáp dây. Tất cả các đoạn cần đều có thể đẩy ra dưới tác dụng của từng cấp tải nhất định. Dài 10.45 m đến 35.2 m. Đinh cần chính có 5 pu ly.

Hệ thống nâng hạ cần: 1 xi lanh thủy lực tác động 2 chiều gắn với phanh và van chặn dầu.

Tời chính: mô tơ dạng piston hướng trục, tang tời tích hợp với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh và phanh nhiều đĩa giữ tải bằng lò xo được điều khiển bằng thủy lực và được gắn thêm bộ xoay tự do (tải không chùng khi nâng). Cáp tời với hệ thống luôn cáp dễ dàng "Super-Stop".

Hệ thống quay toa: mô tơ dạng piston hướng trục với bộ giảm tốc bánh răng hành tinh 2 cấp, được trang bị phanh quay toa bằng chân và phanh dừng quay toa. Tốc độ thay đổi trong phạm vi 0 - 2 vòng/phút.

Bộ đối trọng: Theo tiêu chuẩn 1.4 tấn.

Cabin xe cầu: Cabin rộng rãi cấu tạo bởi vật liệu com-pozit với cửa sổ kính (phủ màu) an toàn, ghế ngồi điều khiển được trên đệm thủy lực, máy sưởi không phụ thuộc vào động cơ, điều hòa không khí.

Tất cả các bộ điều khiển và đồng hồ đo cho vận hành cầu di chuyển trên công trường và chân chống.

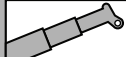
Hệ thống điện: Hệ thống DC 24V.

Các thiết bị an toàn: Thiết bị báo moment tải (LMD), bộ hiển thị phạm vi làm việc, công tắc giới hạn hành trình nâng tải, công tắc giới hạn hành trình hạ móc, bộ hiển thị tang tời đang xoay, van an toàn ngăn ngừa sự cố đường ống. Van chặn dầu trên xi lanh thủy lực.

Trang bị tùy chọn: (trả thêm phí)

Cần phụ 9.0 m, các góc lắp đặt 0°, 20° và 40°. Đối trọng thêm 5.1 tấn, đối trọng thay đổi 3.5 tấn, lựa chọn móc chính, tời phụ, bộ giới hạn phạm vi xoay và vùng làm việc, bộ làm mát dầu thêm, màu sơn và chữ viết đặc biệt (decal).

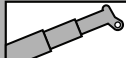
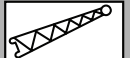
Trang thiết bị tùy chọn có sẵn khác tùy theo yêu cầu.

			6.5t	DIN/ISO/EN
---	---	---	-------------	-------------------

 m	10.5 m*	10.5 m	15.4 m	20.4 m	25.3 m	30.3 m	32.7 m	35.2 m
2.5	40.0**							
3.0	36.6**	32.1**	20.0	20.0	15.1			
3.5	33.9**	29.0	20.0	20.0	15.1			
4.0	30.6	26.4	20.0	20.0	15.1			
4.5	27.0	24.2	20.0	20.0	15.1	10.3		
5.0	24.1	22.2	20.0	20.0	14.8	10.3		
6.0	19.6	18.6	18.8	18.8	13.7	10.3	8.9	7.6
7.0	15.0	15.0	15.3	15.4	12.7	10.3	8.9	7.6
8.0			12.3	12.4	11.7	9.6	8.8	7.6
9.0			10.2	10.3	10.4	9.0	8.2	7.6
10.0			8.6	8.7	8.8	8.4	7.7	7.1
11.0			7.4	7.5	7.6	7.6	7.2	6.7
12.0			6.5	6.5	6.6	6.7	6.7	6.3
14.0				5.1	5.1	5.2	5.2	5.2
16.0				4.1	4.1	4.2	4.2	4.2
18.0					3.4	3.4	3.4	3.4
20.0					2.8	2.8	2.8	2.8
22.0					2.3	2.3	2.4	2.4
24.0						2.0	2.0	2.0
26.0						1.7	1.7	1.7
28.0							1.4	1.4
30.0								1.2
32.0								1.0

* Vùng phía sau

** Với thiết bị nâng tải bổ sung

			6.5t	DIN/ISO/EN
---	---	---	-------------	-------------------

 m	10.5 m + 9.0 m			30.3 m + 9.0 m			35.2 m + 9.0 m		
	0°	20°	40°	0°	20°	40°	0°	20°	40°
3.0	6.5								
3.5	6.5								
4.0	6.5	6.5							
4.5	6.5	6.5							
5.0	6.5	6.4							
6.0	6.5	6.0		5.1					
7.0	6.5	5.6	4.7	5.1					
8.0	6.4	5.4	4.5	5.1			4.0		
9.0	6.0	5.1	4.4	5.1	4.6		4.0		
10.0	5.6	4.9	4.2	5.1	4.4		4.0		
11.0	5.3	4.6	4.1	4.9	4.2		4.0	3.7	
12.0	5.1	4.4	4.0	4.7	4.1	3.8	4.0	3.5	
14.0	4.6	4.1	3.9	4.3	3.8	3.5	3.7	3.3	3.1
16.0	4.2	4.0		4.0	3.6	3.3	3.4	3.1	2.9
18.0				3.6	3.4	3.2	3.2	2.9	2.8
20.0				3.0	3.2	3.0	2.9	2.8	2.6
22.0				2.5	2.7	2.8	2.5	2.6	2.5
24.0				2.1	2.3	2.4	2.1	2.3	2.4
26.0				1.8	1.9	2.0	1.8	1.9	2.0
28.0				1.5	1.6	1.7	1.5	1.6	1.7
30.0				1.3	1.4	1.4	1.2	1.4	1.4
32.0				1.1	1.1		1.0	1.1	1.2
34.0				0.9	0.9		0.9	0.9	1.0
36.0				0.8			0.7	0.8	
38.0							0.5	0.6	